

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 225/2019/HS-ST

Ngày: 24/05/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đức Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ hội liên hiệp phụ nữ TP Biên Hòa .

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 210/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1993.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Th.

Chỗ ở hiện nay: Phòng trọ số 2, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không.

Họ tên cha: Trần Văn M, sinh năm 1933 (đã chết).

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1943 (còn sống).

Gia đình có 08 (tám) anh chị em, bị cáo là con út; Có vợ tên là Luân Thị S, sinh năm 1993 và có 01 (Một) con sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

Ngày 01/8/2018, Trần Văn T bị Công an xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.000.000 đồng

(Một triệu đồng) về hành vi “trộm cắp tài sản”.

Bị bắt quả tang ngày 09/10/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 525/LTG ngày 16/10/2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Th.

Chỗ ở hiện nay: Phòng trọ số 4, khu phố N, phường L, TP. B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 04/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không.

Họ tên cha: Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 (còn sống) .

Họ tên mẹ: Vũ Thị C, sinh năm: 1954 (còn sống).

Gia đình có 06 (Sáu) chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ tên là Trần Thị Ch, sinh năm 1979 và có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21/02/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Ngày 20/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị bắt quả tang ngày 09/10/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 526/LTG ngày 16/10/2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thu L, **sinh năm 1986**. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu B, ấp M, xã A, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/10/2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 20B2-064.20 chở Nguyễn Văn H ngồi sau đang lưu thông trên đường Vành đai Sư đoàn 309 hướng từ đường Trương Văn Hải đến cổng Sư đoàn 309, khi đi đến trước nhà số 69B/Q1, tổ 32, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa thì Tỉnh nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1986 ngụ tại khu B, ấp M, xã A, thành phố Biên Hòa đang dừng xe dưới lề đường nghe điện thoại nên T đã nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại của chị L, sau đó T rủ H cùng thực hiện thì H đồng ý. Thực hiện ý định trên, T quay đầu xe lại và chạy áp sát về phía bên phải chị L để cho H dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của chị L rồi điều khiển xe tẩu thoát. Sự việc xảy ra, chị L liền đuổi

theo tri hô thì T và H bị quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ giao Công an phường Long Bình Tân lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Chuyển Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 đã thu hồi trao trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thu L.

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 20B2-064.20 là phương tiện T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác minh xe trên là của chị Luân Thị S sinh năm 1993 ngụ tại xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Th (Là vợ của T) cho T mượn và không biết T sử dụng để đi Cướp giật tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa đã trả lại xe mô tô cho chị S theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 412/TCKH-HĐĐG ngày 20/11/2018, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “ 01 (Một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 có giá trị định giá là: 2.034.000 đồng (Hai triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng)”

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu L đã nhận lại được tài sản là 01 (Một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 nên chị L không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 220/CT-VKSBBH ngày 03/05/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2, Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Trần Văn T với mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Nguyễn Văn H với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo không phát biểu tranh luận và không tham gia bào chữa.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/10/2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 20B2-064.20 chở Nguyễn Văn H ngồi sau. Khi đi đến trước nhà số 69B/Q1, tổ 32, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thấy chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1986 ngụ tại khu B, ấp M, xã A, thành phố Biên Hòa đang dừng xe dưới lề đường nghe điện thoại nên T đã rủ H cùng thực hiện hành vi cướp giật, chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trên của chị L thì H đồng ý. Thực hiện ý định trên, T quay đầu xe lại và chạy áp sát về phía bên phải chị L để cho H dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 trị giá là 2.034.000 đồng (Hai triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị Thu L thì bị chị L truy hô và cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ giao Công an phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người làm chứng phù hợp với biên bản xác định địa điểm (bút lục số 2), biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 3-5) và các chứng cứ, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra thu thập được. Nhận thấy hành vi của các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn H đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung "dùng thủ đoạn nguy hiểm" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được qui định tại điểm d khoản 2, Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ.

[4] Bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 20B2-064.20 chở bị cáo Nguyễn Văn H ngồi phía sau để H dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 trị giá là 2.034.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu L.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện liều lĩnh và táo bạo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia giao thông nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả của hành vi do mình gây ra. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu cụ thể: Vào ngày 01/8/2018, T bị Công an xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.000.000 đồng về hành vi "trộm cắp tài sản"; còn H đã 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ,

tỉnh Thái Nguyên kết án về các tội liên quan đến ma túy (Bản án số 09/2006/HSST ngày 21/02/2006, xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bản án số 02/2010/HSST ngày 20/01/2010, xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”). Lẽ ra các bị cáo phải lấy đó làm bài học khắc phục và sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành một công dân có ích cho xã hội. Nhưng các bị cáo không làm được điều đó, do tham lam, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cho mục đích cá nhân đã bất chấp pháp luật, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm giảm đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước mà lợi dụng sự sơ hở của bị hại nảy sinh lòng tham, rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo T là người rủ rê bị cáo H, lẽ ra với tư cách là một người anh (H là anh rể của T) H phải khuyên ngăn T nhưng H đã không làm điều đó mà ngày sau khi được T rủ rê H là người tích cực và trực tiếp thực hiện hành vi dùng tay giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của bị hại.

Xét tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là bằng nhau để cải tạo, giáo dục các bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại); quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, Cơ quan Điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thu L. Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 20B2-064.20 là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác minh xe trên là của chị Luân Thị S sinh năm 1993 ngụ tại xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Th (là vợ của T) cho T mượn và không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại xe mô tô cho chị S là phù hợp

[7] Về phần dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Thu L đã nhận lại tài sản và có không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: **Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.**

2. Về hình phạt: **Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.**

Xử phạt:

- **Trần Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2018.

- **Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2018.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, **được sửa đổi bổ sung năm 2017.**

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Thi hành án (8);
- Công an TP. Biên Hòa (1);
- Các bị cáo, người bị hại (4);
- Lưu VP-HS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đức Thị Minh Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

